

KẾT LUẬN THANH TRA
Công tác quản lý tài chính năm 2023
tại Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk

Thực hiện Quyết định số 26/QĐ-TTTr ngày 29/3/2024 của Chánh Thanh tra Sở Tài chính về việc thanh tra công tác quản lý tài chính năm 2023 tại Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk và Kế hoạch thanh tra đã được Chánh Thanh tra Sở phê duyệt. Đoàn thanh tra Sở Tài chính đã tiến hành thanh tra tại Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk từ ngày 08/4/2024 đến ngày 21/5/2024;

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 04/6/2024 của Trưởng Đoàn thanh tra số 26, ý kiến giải trình của đơn vị về kết quả thanh tra. Chánh Thanh tra Sở Tài chính kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Chức năng, nhiệm vụ

Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là đơn vị) là cơ sở giáo dục công lập, trực thuộc UBND tỉnh được thành lập theo Quyết định số 4567/QĐ-BGDĐT ngày 13/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở Trường trung cấp y tế Đắk Lắk; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy được quy định cụ thể tại Quyết định số 359/QĐ-CĐYT ngày 11/11/2017 của Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk.

Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng để hoạt động; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Cơ cấu tổ chức

- Tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2023: 70 người, trong đó: Biên chế viên chức 58 người; Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu: 12 người. Hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP là 05 người (Tổng số biên chế thực tế trong tháng 12/2023: 60 người, trong đó: Biên chế viên chức 55 người; hợp đồng: 05 người)

- Tổ chức bộ máy:

+ Ban Lãnh đạo, gồm có: 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách và 01 Phó Hiệu trưởng;

- + Có 05 phòng chức năng và 04 khoa chuyên ngành đào đào;
- + Tổ chức công tác kế toán của đơn vị: Phòng Tài chính - Kế toán gồm 03 người, trong đó: 01 phụ trách kế toán, 01 kế toán viên và 01 thủ quỹ.

3. Nguồn kinh phí hoạt động

- Nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp gồm: Nguồn kinh phí chi thường xuyên; nguồn kinh phí chi không thường xuyên và nguồn kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia.
- Nguồn thu tại đơn vị: Thu học phí, lệ phí, liên kết, ký túc xá, căng tin, nhà xe.

4. Cơ chế tài chính và chế độ kế toán

a. Cơ chế tài chính: Thực hiện theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Năm 2023, Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk đã được UBND tỉnh phê duyệt là đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3) theo Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

b. Chế độ kế toán áp dụng: Đơn vị thực hiện chế độ kế toán theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

5. Công tác thanh tra, kiểm toán

Trong niên độ ngân sách năm 2023, tại đơn vị chưa được các cơ quan thanh tra, kiểm toán tiến hành kiểm tra.

6. Công tác lập Báo cáo quyết toán tài chính và thẩm tra quyết toán tài chính

Đơn vị đã lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính năm 2023 và chưa được Sở Tài chính xét duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách năm.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý sử dụng tài sản công:

1. Ưu điểm

Đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý sử dụng tài sản công để làm căn cứ cho viên chức, người lao động trong cơ quan thực hiện. Quy chế xây dựng căn cứ vào chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và khả năng nguồn kinh phí được giao để quy định, cơ bản phù hợp với tình hình hoạt động tài chính, biên chế của đơn vị.

Quy chế đã có tác dụng tích cực trong việc điều hành, quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí.

2. Tồn tại

- Quy chế chi tiêu nội bộ quy định mức trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp 10% là chưa đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 15% theo quy định tại khoản 1, Điều 18, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (đơn vị tự chủ nhóm 3, mức tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70%);

- Quy định mức hỗ trợ tiền cước phí sử dụng điện thoại di động đối với chức danh Hiệu trưởng: 400.000 đồng/tháng là chưa phù hợp theo Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh và Quyết định số 1347-QĐ/TU ngày 28/7/2023 của Tỉnh ủy Quy định chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương hệ thống chính trị tỉnh Đắk Lắk;

- Quy định khoản chi tiền nước uống cho cán bộ, viên chức, người lao động 20.000 đồng/người/tháng là không đúng theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND tỉnh ngày 11/10/2017 của HĐND tỉnh;

- Chưa kịp thời ban hành, bổ sung Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của Luật Quản lý tài sản công và các văn bản quy định hiện hành (Đơn vị ban hành quy chế tại Quyết định số 768/QĐ-CDYT ngày 08/11/2017 đến nay không còn phù hợp với các quy định hiện hành).

II. Việc lập, phân bổ và giao dự toán

1. Đối với nguồn NSNN cấp

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch hoạt động của đơn vị; căn cứ văn bản chỉ đạo của các Bộ, ngành Trung ương; hướng dẫn của Bộ Tài chính, UBND tỉnh và Sở Tài chính; đơn vị đã xây dựng dự toán thu, chi và được cấp có thẩm quyền giao dự toán cơ bản đúng theo quy định.

Dự toán giao theo phương án tự chủ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ năm đầu thời kỳ ổn định là 5.280.000.000 đồng. Trong đó: NSNN cấp quỹ lương 2.767.000.000 đồng, khấu trừ nguồn CCTL tại đơn vị 2.513.000.000 đồng.

2. Đối với nguồn thu học phí, lệ phí, thu hoạt động dịch vụ

Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk được UBND tỉnh giao quyền tự chủ giai đoạn 2023-2025 tại Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Là đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3) mức tự bảo đảm trên 60%, NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ năm đầu thời kỳ ổn định là 5.280.000.000 đồng. Sau khi được giao quyền tự chủ, đơn vị đã thực hiện phân bổ dự toán thu, chi từ nguồn kinh phí này như sau:

a. Dự toán thu:	8.012.000.000 đồng
+ Thu học phí:	4.000.000.000 đồng
+ Cấp bù học phí:	4.000.000.000 đồng

+ Thu lệ phí tuyển sinh:	12.000.000 đồng
+ Thu tiền ký túc xá:	0 đồng
b. Dự toán chi:	7.611.000.000 đồng
+ Chi học bổng:	500.000.000 đồng
+ Chi trực tiếp tuyển sinh:	12.000.000 đồng
+ Nộp NSNN:	10.000.000 đồng
+ Chi phục vụ thu học phí:	5.106.000.000 đồng
+ Chi hoạt động thường xuyên theo định mức:	1.983.000.000 đồng

Việc thực hiện lập, phân bổ và được giao dự toán nguồn kinh phí này cơ bản đúng theo quy định. Tuy nhiên còn tồn tại: Đơn vị tính định mức phân bổ chi tiền công, các khoản đóng góp cho 05 hợp đồng lao động mức 110.000.000 đồng/người là cao hơn định mức phân bổ tại Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSDP năm 2022, với tổng số tiền 100.000.000 đồng (mức vượt 20.000.000 đồng/biên chế x 05 biên chế); chưa thực hiện phân bổ chi tiết nội dung chi đối với kinh phí hoạt động phục vụ thu học phí.

III. Việc chấp hành dự toán thu, chi nguồn kinh phí NSNN cấp

1. Tổng hợp thu, chi nguồn ngân sách nhà nước

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng cộng	KP thường xuyên	KP không thường xuyên	KP CTMTQG	KP CCTL
1	KP năm trước chuyển sang	857.733.987	255.733.987	-	602.000.000	
2	Dự toán giao đầu năm	13.206.000.000	2.767.000.000	10.439.000.000	-	
3	Dự toán bổ sung trong năm	5.837.000.000		2.585.000.000	3.250.000.000	2.000.000
4	Điều chỉnh giảm	17.400.000	17.400.000	-	-	
5	Tổng kinh phí được sử dụng	19.883.333.987	3.005.333.987	13.024.000.000	3.852.000.000	2.000.000
6	Kinh phí đã rút tại Kho bạc	11.175.243.388	3.003.379.388	7.566.304.000	605.560.000	
7	Kinh phí đã sử dụng đề nghị QT	11.175.243.388	3.003.379.388	7.566.304.000	605.560.000	
8	Kinh phí còn tồn ở Kho bạc	8.708.090.599	1.954.599	5.457.696.000	3.246.440.000	2.000.000
	<i>Trong đó: - Đã hủy</i>	2.861.696.000	-	2.861.696.000	-	
	<i>- Chuyển năm sau</i>	5.846.394.599	1.954.599	2.596.000.000	3.246.440.000	2.000.000

2. Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí NS cấp

a. Nguồn kinh phí chi thường xuyên

Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán 3.003.379.388 đồng.

Qua kiểm tra cho thấy đơn vị sử dụng nguồn kinh phí này cơ bản theo dự toán được giao, tuân thủ các quy định của Nhà nước về chế độ, tiêu chuẩn, định

mức và quy chế chi tiêu nội bộ đã do đơn vị xây dựng. Tuy nhiên còn một số tồn tại như sau:

- Chi hỗ trợ cước sử dụng điện thoại di động quý 1, 2 năm 2023 vượt định mức quy định tại Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh, số tiền 900.000 đồng (mức vượt 150.000 đồng/tháng x 6 tháng);

- Chi tiền phụ cấp thâm niên nghề cho bà Hoàng Thị Nga trong thời gian đi học từ tháng 01/2023 đến tháng 4/2023, số tiền 2.183.148 đồng là chưa đúng theo quy định tại khoản 2, Điều 3, Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ.

- Đơn vị nộp thừa các khoản bảo hiểm phải đóng số tiền 45.566.124 đồng.

b. Nguồn kinh phí chi không thường xuyên và Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia

Dự toán được giao trong năm 16.876.000.000 đồng, đã sử dụng đề nghị quyết toán 8.171.864.000 đồng, dự toán bị hủy 2.861.696.000 đồng, chuyển nguồn năm sau sử dụng 5.842.440.000 đồng. Chi tiết như sau:

DVT: Đồng

TT	Nội dung chi	Số báo cáo	Số Thanh tra	Chênh lệch (TTr - BC)
I	Nguồn kinh phí mua sắm và sửa chữa	5.249.304.000	5.249.304.000	0
1	Chi mua sắm	4.261.000.000	4.261.000.000	0
-	Máy móc, thiết bị văn phòng	433.000.000	433.000.000	0
-	Máy móc, thiết bị giảng dạy ngành vật lý trị liệu	3.828.000.000	3.828.000.000	0
2	Chi bảo dưỡng, sửa chữa	957.304.000	957.304.000	0
-	Sơn, bảo dưỡng khu giảng đường	687.304.000	687.304.000	0
-	Sửa chữa đường bê tông khu ký túc xá	270.000.000	270.000.000	0
3	Chi hỗ trợ tết Nguyên đán	31.000.000	31.000.000	0
II	Chi mục tiêu, nhiệm vụ	2.317.000.000	0	(2.317.000.000)
1	KP hỗ trợ CP học tập và miễn giảm học phí theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	0	0	0
2	KP hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo QĐ 66/2013/QĐ-TTg	483.000.000	0	(483.000.000)
3	KP thực hiện chính sách nội trú đối với HS, SV theo QĐ 53/2015/QĐ-TTg	1.834.000.000	0	(1.834.000.000)
III	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	605.560.000	605.560.000	0
	TỔNG CỘNG (I+II+III)	8.171.864.000	5.854.864.000	(2.317.000.000)

Kiểm tra một số nội dung chi và chọn mẫu chứng từ thanh toán cho thấy: Căn cứ dự toán được giao, đơn vị thực hiện rút dự toán để chi theo chế độ quy định cơ bản đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiến độ, khối lượng thực hiện nhiệm vụ. Thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị theo phương thức mua sắm tập trung, hồ sơ, thủ tục, chứng từ chi được tập hợp cơ bản đầy đủ. (Đoàn Thanh tra không thực hiện kiểm

tra quy trình đấu thầu mua sắm đối với gói thầu mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ dạy học).

Việc mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ dạy học: Đơn vị thực hiện mua sắm tập trung, ký hợp đồng mua sắm theo Thỏa thuận khung. Giá gói thầu 5.638.000.000 đồng, giá trúng thầu 5.435.000.000 đồng, tỷ lệ giảm thầu 3.6 % tương ứng số tiền 203.000.000 đồng. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản: Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản ngày 28/12/2023 và Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành: Nhà thầu mới hoàn thành cung cấp được 45/56 danh mục tài sản theo hợp đồng, với giá trị thanh toán 4.859.000.000 đồng, còn 11/56 danh mục tài sản đã nhận bàn giao nhưng do sai nguồn gốc xuất xứ nên đơn vị không nghiệm thu và chưa thanh toán cho nhà cung cấp, tương ứng số tiền 576.000.000 đồng (kinh phí này được chuyển nguồn sang năm sau).

Việc sử dụng nguồn kinh phí này vẫn còn một số tồn tại như sau:

- Sử dụng nguồn kinh phí không thường xuyên để chi hỗ trợ tết Nguyên đán năm 2023 không có trong dự toán được giao với số tiền 31.000.000 đồng;

- Đối với hạng mục: Sơn, bảo dưỡng khu giảng đường, đơn vị thanh toán chi phí giám sát vượt so với quyết toán công trình số tiền 271.000 đồng.

- Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP, số tiền: 2.920.000.000 đồng. Nguồn kinh phí này được ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo hình thức giao dự toán, nhưng trong năm đơn vị không thực hiện rút nguồn kinh phí hạch toán vào tài khoản thu học phí của đơn vị theo số lượng thực tế đối tượng được cấp bù và quy định hiện hành về chế độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Đã bị hủy dự toán 900.000.000 đồng và chuyển nguồn năm sau 2.020.000.000 đồng.

- Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg, số tiền: 483.000.000 đồng. Kinh phí hỗ trợ chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg, số tiền: 1.834.000.000 đồng. Đơn vị đã thực hiện rút dự toán ngân sách các chế độ này về tài khoản tiền gửi tại Kho bạc nhà nước, (số tài khoản 3716) với tổng số tiền: 2.317.000.000 đồng. Đến thời điểm thanh tra vẫn chưa thực hiện chi trả cho các đối tượng thụ hưởng.

IV. Nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ, khác

1. Tổng hợp tình hình thu, chi nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ, khác

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Số đơn vị	Số Thanh tra	Chênh lệch (Tra -ĐV)
1	Năm trước chuyển sang	2.884.408.730	2.884.408.730	0
2	Thu trong năm	6.073.660.554	6.065.924.554	(7.736.000)
3	Chi trong năm	3.326.141.361	3.540.558.361	214.417.000
	<i>Chi tiền lương, tiền công (6421)</i>	<i>575.239.266</i>	<i>921.239.266</i>	<i>346.000.000</i>
	<i>Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ</i>	<i>397.483.540</i>	<i>397.483.540</i>	<i>0</i>
	<i>Chi học bổng</i>	<i>654.892.000</i>	<i>654.892.000</i>	<i>0</i>

STT	Nội dung	Số đơn vị	Số Thanh tra	Chênh lệch (Ttra -ĐV)
	<i>Chi phí KH TSCĐ</i>	0	1.077.000	1.077.000
	<i>Chi hoạt động thường xuyên</i>	1.698.526.555	1.565.866.555	(132.660.000)
4	Chi phí thuế GTGT, TNDN, thuê đất	0	129.722.861	129.722.861
5	Chênh lệch thu chi (2-3-4)	2.747.519.193	2.395.643.332	(222.153.000)
6	Trích nguồn CCTL 40%	1.098.287.677	1.098.287.677	0
7	Phân phối các quỹ	811.000.000	1.233.564.873	422.564.873
	<i>Quỹ bổ sung thu nhập 60%</i>	609.000.000	778.413.393	169.413.393
	<i>Quỹ khen thưởng 3%, phúc lợi 17%</i>	151.500.000	259.471.131	107.971.131
	<i>Quỹ PTHĐSN 15%</i>	50.500.000	195.680.348	145.180.348
8	CL thu chi chưa phân phối chuyển năm sau	3.722.640.246	2.948.199.513	(774.440.733)

2. Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí

2.1. Việc chấp hành dự toán thu

TT	Chỉ tiêu	Dự toán (đ)	Thực hiện(đ)	Chênh lệch	
				Số tuyệt đối	Tỷ lệ %
1	Thu học phí	4.000.000.000	4.683.114.923	683.114.923	117%
2	Cấp bù học phí	4.000.000.000	872.500.000	(3.127.500.000)	22%
3	Lệ phí tuyển sinh	12.000.000	27.000.000	15.000.000	225%
4	Thu liên kết đào tạo, lãi	0	100.621.621	100.621.621	
5	Căn tin, Nhà xe	0	27.914.000	27.914.000	
6	Ký túc xá, điện nước	0	362.510.010	362.510.010	
	Tổng cộng	8.012.000.000	6.073.660.554	(1.938.339.446)	76%

Nhận xét:

- Chỉ tiêu đào tạo thực tế so với kế hoạch giao năm 2023 đạt 131% (894/680 sinh viên), nguyên nhân do công tác tuyển sinh luôn được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Ban giám hiệu và của các khoa, phòng; xem công tác tuyển sinh là khâu quan trọng trong hoạt động của nhà trường, kết quả vượt chỉ tiêu tuyển sinh theo kế hoạch đề ra. Đồng thời nhà trường được mở mới ngành nghề đào tạo nên thu hút được lượng sinh viên về trường. Bên cạnh những kết quả đạt được, đối với ngành Cao đẳng Dược, Điều dưỡng (Đào tạo văn bằng 2), đơn vị đã ban hành Thông báo tuyển sinh số 505/TB-CDYT ngày 08/8/2023 nhưng không tuyển sinh được sinh viên.

- Đơn vị phản ánh doanh thu chưa đúng theo dự toán giao đối với nguồn NSNN cấp bù học phí, số thu do ngân sách cấp bù học phí 872.500.000 đồng là khoản kinh phí NSNN cấp năm 2022 nhưng đến 2023 đơn vị mới phản ánh.

- Dự toán 2023 NSNN cấp bù học phí 2.920.000.000 đồng, đơn vị chưa thực hiện giải ngân được nguồn kinh phí này; đã bị hủy kinh phí giao đầu năm 900.000.000 đồng và chuyển nguồn sang năm sau 2.020.000.000 đồng.

2.2. Thực hiện các quy định về thu

a. Ưu điểm

- Đã mở sổ sách kế toán theo dõi các nguồn thu phát sinh; sử dụng hóa đơn điện tử để thu học phí, báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn với cơ quan Thuế; phản ánh, hạch toán nguồn thu trên báo cáo tài chính của đơn vị;

- Nhà trường đã quy định mức thu học phí cụ thể đối với từng ngành nghề đào tạo, hình thức đào tạo tương ứng với từng năm học trên cơ sở mức trần học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

b. Tồn tại

- Ngân sách nhà nước cấp bù tiền miễn giảm học phí năm 2022 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, số tiền 872.500.000 đồng, trong đó có 02 trường hợp không thuộc đối tượng được miễn giảm với số tiền 12.740.000 đồng, cụ thể:

TT	Họ và tên	Số tiền (đồng)	Lớp	Dân tộc	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1	Nông Thị Hà	6.370.000	ĐDK6A	Tày	Thôn 5, Cù Ewi, Cù Kuin	Không thuộc khu vực thôn ĐBK và xã vùng III
2	H Nữ Êban	6.370.000	ĐDK6C	Ê đê	Buôn Tuôr, Đray Sáp A, Krông Ana	Không thuộc khu vực thôn ĐBK và xã vùng III
	Tổng cộng	12.740.000				

- Thu vượt mức học phí theo quy định với tổng số tiền 144.900.000 đồng: Mức thu học phí ngành Dược, lớp DK7, DK7A năm học 2023 là 10.500.000 đồng/năm quy định tại Quyết định số 720/QĐ-CĐYT ngày 31/12/2022 của hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế về việc ban hành mức thu học phí trình độ Cao đẳng khóa học từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026. Tuy nhiên đến ngày 31/10/2023 Trường đã ban hành Quyết định số 761/QĐ-CĐYT điều chỉnh giảm còn 9.100.000 đồng/năm).

4. Việc thực hiện dự toán chi

Kinh phí đã sử dụng: Số đơn vị báo cáo: 3.326.141.361 đồng, số Thanh tra xác định: 3.540.558.361 đồng. Chênh lệch: 214.417.000 đồng

Nội dung chi chủ yếu: Chi tiền lương, tiền công, chi tiền điện, tiền nước; tiền công tác phí; chi quản lý; chi hoạt động chuyên môn; mua vật tư văn phòng; mua phôi bằng; tiền lương thuê lao công, bảo vệ, vệ sinh ký túc xá, tiền học bổng...

Nhìn chung đơn vị thực hiện chi theo tiêu chuẩn, định mức theo quy định hiện hành của nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ đơn vị đã xây dựng, chứng từ thanh toán cơ bản đầy đủ theo quy định.

Nguyên nhân chênh lệch giữa số thanh tra và số đơn vị:

- Hạch toán một số khoản chi phí phát sinh chưa theo đúng nguồn kinh phí được sử dụng như chi tiền lương, hỗ trợ chi phí đào tạo, chi tiền tết...;
- Đơn vị chưa thực hiện trích chi phí khấu hao tài sản cố định từ cho thuê nhà xe số tiền 1.077.000 đồng là chưa đúng theo khoản 2, Điều 8, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021;
- Chi vượt định mức hỗ trợ cước điện thoại di động quý 4/2022 và quý 4/2023, với tổng số tiền 900.000 đồng (mức vượt 150.000 đồng/tháng x 6 tháng);
- Chi phụ cấp lưu trú cho bà Hoàng Thị Nga số tiền 2.360.000 đồng (CTG00016 ngày 13/01/2023; CTG00227 ngày 09/11/2023) khi đi nhập học và đi học lớp Thạc sỹ điều dưỡng là chưa đúng theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh và Quy chế chi tiêu nội bộ;
- Chi phí đã sử dụng trong kỳ tăng 31.000.000 đồng do đơn vị đã sử dụng nguồn kinh phí không tự chủ để chi tiền tết Nguyên đán;
- Không hạch toán chi phí tiền lương, tiền công được sử dụng vào nguồn thu số tiền 346.000.000 đồng mà hạch toán vào chi từ nguồn cải cách tiền lương năm 2023.
- Chi một số nội dung chi thuộc nhiệm vụ chi của các Quỹ và được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ, với tổng số tiền 161.300.000 đồng, cụ thể:
 - + Chi khen thưởng đột xuất năm học 2022-2023, số tiền 8.800.000 đồng (CTG00245 ngày 06/12/2023);
 - + Chi khen thưởng hoạt động văn nghệ chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam, số tiền 10.300.000 đồng (CTG 00290 ngày 21/12/2023);
 - + Chi khen thưởng hội thao chào đón tân sinh viên, số tiền 6.900.000 đồng (CTG 00291 ngày 21/12/2023);
 - + Chi mua quà cho gia đình chính sách khó khăn tại Buôn kết nghĩa, số tiền 9.000.000 đồng (CTG00045 ngày 10/3/2023);
 - + Chi khen thưởng sinh viên, số tiền 4.300.000 đồng (CTG 00198 ngày 02/11/2023).
 - + Chi tiền học phí đào tạo cho viên chức được cử đi học hạch toán chi trực tiếp từ nguồn thu sự nghiệp, với tổng số tiền 122.000.000 đồng.

V. Việc trích lập và sử dụng các quỹ năm 2023

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Số Báo cáo	Số Thanh tra	Chênh lệch (Ttra-BC)
1	Số đầu năm	775.570.778	775.570.778	0
-	Quỹ Phát triển HDSN	383.463.850	383.463.850	0
-	Quỹ khen thưởng, quỹ Phúc lợi	86.160.000	86.160.000	0
-	Quỹ bổ sung thu nhập	305.946.928	305.946.928	0

STT	Nội dung	Số Báo cáo	Số Thanh tra	Chênh lệch (Ttra-BC)
2	Trích lập trong năm	827.700.000	1.250.264.873	422.564.873
-	Quỹ Phát triển HĐSN	50.500.000	195.680.348	145.180.348
-	Quỹ khen thưởng, quỹ Phúc lợi	168.200.000	276.171.131	107.971.131
	Quỹ bổ sung thu nhập	609.000.000	778.413.393	169.413.393
3	Sử dụng trong năm	799.796.180	961.096.180	161.300.000
-	Quỹ Phát triển HĐSN	26.700.000	148.700.000	122.000.000
-	Quỹ khen thưởng, quỹ Phúc lợi	161.290.000	200.590.000	39.300.000
	Quỹ bổ sung thu nhập	611.806.180	611.806.180	0
4	Số dư chuyển năm sau	803.474.598	1.064.739.471	261.264.873
-	Quỹ Phát triển HĐSN	407.263.850	430.444.198	23.180.348
-	Quỹ khen thưởng, quỹ Phúc lợi	93.070.000	161.741.131	68.671.131
-	Quỹ bổ sung thu nhập	303.140.748	472.554.141	169.413.393

Đơn vị quản lý, trích lập và sử dụng các quỹ cơ bản theo đúng quy định hiện hành và quy chế chi tiêu nội bộ do đơn vị xây dựng. Nguyên nhân chênh lệch giữa số Thanh tra và đơn vị:

- Trong năm đơn vị thực hiện trích chưa đủ tỷ lệ tối thiểu 15% đối Quỹ phát triển sự nghiệp theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 18, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ phúc lợi chưa đảm bảo theo tỷ lệ % và không thực hiện trích Quỹ khen thưởng là chưa đúng theo quy chế chi tiêu nội bộ và phương án tự chủ được duyệt;

- Số chi trong năm tăng là do đơn vị hạch toán chi các nội dung như chi khen thưởng, chi đào tạo, chi thăm hỏi vào chi trực tiếp từ nguồn thu sự nghiệp dẫn tới chi không đúng nguồn, với số tiền 161.300.000 đồng.

VI. Việc kê khai, nộp các khoản thuế và tiền thuê đất

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Số phải nộp năm trước chuyển sang	Số phải nộp năm 2023	Số đã nộp năm 2023	Số còn phải nộp chuyển năm sau
I	Số báo cáo	25.219.810	0	25.219.810	0
1	Thuế TNDN	12.109.905		12.109.905	0
2	Thuế GTGT	12.109.905		12.109.905	0
3	Thuế môn bài	1.000.000		1.000.000	0
4	Tiền thuê đất		0		0
II	Số thanh tra	25.219.810	129.722.861	25.219.810	129.722.861
1	Thuế TNDN	12.109.905	121.577.161	12.109.905	121.577.161
2	Thuế GTGT	12.109.905	1.395.700	12.109.905	1.395.700
3	Thuế môn bài	1.000.000		1.000.000	0
4	Tiền thuê đất		6.750.000		6.750.000
III	Chênh lệch (Ttra-BC)	0	129.722.861	0	129.722.861
1	Thuế TNDN	0	121.577.161	0	121.577.161

STT	Nội dung	Số phải nộp năm trước chuyển sang	Số phải nộp năm 2023	Số đã nộp năm 2023	Số còn phải nộp chuyển năm sau
2	Thuế GTGT	0	1.395.700	0	1.395.700
3	Thuế môn bài	0	0	0	0
4	Tiền thuê đất	0	6.750.000	0	6.750.000

Trong năm đơn vị chưa kịp thời thực hiện kê khai các khoản thuế phải nộp với đối với khoản thu học phí và tiền thuê đất đối với hoạt động cho thuê tài sản sản theo quy định tại khoản 2, Điều 42, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và điểm 7a, khoản 3, Điều 3, Nghị định 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017. Đến tháng 01/2024 đơn vị đã thực hiện kê khai và nộp các khoản thuế GTGT, TNDN với số tiền 12.659.810 đồng.

VII. Việc trích lập, quản lý và sử dụng nguồn cải cách tiền lương

ĐVT: Đồng

STT	Các chỉ tiêu	Số Báo cáo	Số Thanh tra	Chênh lệch (TTra-BC)
1	Năm 2022 chuyển sang	3.667.006.669	3.667.006.669	0
	<i>Nguồn NSNN cấp</i>	0	0	0
	<i>Trích từ nguồn thu</i>	3.667.006.669	3.667.006.669	0
2	KP CCTL thực nhận 2023	1.100.287.677	1.100.287.677	0
	<i>NSNN cấp</i>	2.000.000	2.000.000	
	<i>Trích từ nguồn thu</i>	1.098.287.677	1.098.287.677	0
3	KP CCTL được sử dụng	4.767.294.346	4.767.294.346	0
	<i>Nguồn NSNN cấp</i>	2.000.000	2.000.000	0
	<i>Trích từ nguồn thu</i>	4.765.294.346	4.765.294.346	0
4	KP CCTL đã sử dụng	3.433.000.000	3.087.000.000	(346.000.000)
	<i>Nguồn NSNN cấp</i>	0	0	0
	<i>Trích từ nguồn thu</i>	3.433.000.000	3.087.000.000	(346.000.000)
5	Kinh phí chuyển sang 2024	1.334.294.346	1.680.294.346	346.000.000
	<i>Nguồn NSNN cấp</i>	2.000.000	2.000.000	0
	<i>Trích từ nguồn thu (TK 468)</i>	1.332.294.346	1.678.294.346	346.000.000

Đơn vị đã thực hiện trích lập 40% chênh lệch thu - chi từ nguồn thu sự nghiệp theo quy định tại Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29/6/2023 của Chính phủ. Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại như sau:

- Trong năm 2023, đơn vị được UBND tỉnh bổ sung nguồn CCTL số tiền 2.000.000 đồng (do điều chỉnh lương cơ sở) trong khi nguồn cải cách tiền lương (CCTL) trích từ nguồn thu tại đơn vị vẫn còn dư là chưa đúng quy định tại điểm b,

khoản 1, Điều 16, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Số chi trong năm giảm do đơn vị sử dụng nguồn CCTL 346.000.000 đồng để chi lương nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép.

- Số liệu trên Đoàn thanh tra chưa thực hiện trích bổ sung hoàn trả nguồn CCTL 228.000.000 đồng theo Biên bản thẩm tra xét duyệt quyết toán năm 2022 của Sở Tài chính.

VIII. Việc quản lý, sử dụng tài sản công

Đơn vị đã sử dụng tài khoản kế toán để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của TSCĐ về các chỉ tiêu nguyên giá, giá trị hao mòn và nguồn kinh phí hình thành tài sản cố định; Mở sổ theo dõi tài sản cố định, thực hiện kiểm kê theo quy định. Qua kiểm tra thực tế một số tài sản mua sắm trong năm, cho thấy đã nhận bàn giao đúng theo hợp đồng đã ký, còn 11/56 danh mục tài sản chưa nhận bàn giao do chưa đúng nguồn gốc xuất xứ theo hợp đồng. Tuy nhiên còn tồn tại như sau:

- Các mẫu sổ tài sản cố định, báo cáo tăng giảm TSCĐ vẫn sử dụng theo mẫu tại Quyết định 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính (đã được thay thế bằng Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017);

- Chưa thực hiện trích khấu hao tài sản cố định với số tiền 1.077.000 đồng là chưa đúng theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 11, Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính và tại điểm c, khoản 4, Điều 43, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và chưa đúng với đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê;

- Chưa phản ánh đầy đủ giá trị TSCĐ phát sinh tăng trong năm đối với hạng mục sơn, bảo dưỡng khu giảng đường số tiền 710.597.000 đồng và sửa chữa đường bê tông ký túc xá 270.000.000 đồng.

IX. Việc chấp hành pháp luật về kế toán

Hoạt động kế toán của đơn vị trong năm 2023 đã thực hiện lập, cập nhật chứng từ, ghi chép, phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào hệ thống sổ sách kế toán của đơn vị. Thực hiện kế toán máy - phần mềm kế toán MiSa. Tuy nhiên còn một số tồn tại sau:

- Việc ghi sổ kế toán còn một số chứng từ chi không theo thứ tự thời gian phát sinh;

- Một số nhiệm vụ chi thuộc dự toán năm trước nhưng chuyển sang năm sau mới thực hiện chi là phản ánh chưa kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo quy định tại khoản 2, Điều 6, Luật Kế toán năm 2015;

- Điều chỉnh giảm doanh thu chưa đúng phương pháp hạch toán kế toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017: Nhận tiền đặt cọc thuê căn tin, nhà xe hạch toán tăng (N1121/C3388) số tiền 36.700.000 đồng (Chứng từ số TTG 30 ngày 27/07/2023); Khi chi trả lại tiền đặt cọc đơn vị

hạch toán giảm doanh thu (N531/C1111) số tiền 5.004.000 đồng (Phiếu chi số 27B ngày 09/08/2023 và Phiếu chi số 29 ngày 24/08/2023);

- Đơn vị thực hiện trích lập Quỹ Khen thưởng, Quỹ Phúc lợi nhưng không hạch toán riêng theo dõi riêng từng quỹ mà gộp chung.

- Chưa theo dõi, phản ánh hạch toán đầy đủ công nợ, doanh thu phát sinh các năm trước (đối với 2 trường hợp, tổng số tiền 18.200.000 đồng) là chưa đúng theo quy định về Phương pháp ghi chép tài khoản kế toán tại Phụ lục số 02 Ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

X. Việc công khai tài chính

Theo đơn vị báo cáo việc thực hiện công khai tài chính các nội dung như: thực hiện dự toán, quyết toán, được công khai trong hội nghị CBVC và thực hiện công khai tài chính theo các quy định của cơ quan có thẩm quyền ban hành về công khai tài chính.

C. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

- Cơ bản, đơn vị đã quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp, nguồn thu sự nghiệp đảm bảo theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thi hành; quy chế chi tiêu nội bộ xây dựng cơ bản căn cứ tiêu chuẩn, định mức theo các quy định hiện hành; Thực hiện chi trong dự toán được giao; quản lý sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả;

- Công tác kế toán, cập nhật chứng từ, mở sổ sách và lập báo cáo quyết toán tài chính cơ bản theo đúng quy định; Thực hiện trích lập nguồn kinh phí CCTL theo quy định.

2. Tồn tại

- Chi hỗ trợ cước sử dụng điện thoại di động vượt định mức quy định tại Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh, số tiền 1.800.000 đồng (mức vượt 150.000 đồng/tháng x 12 tháng);

- Chi tiền phụ cấp thâm niên nghề cho bà Hoàng Thị Nga trong thời gian đi học từ tháng 01/2023 đến tháng 4/2023, số tiền 2.183.148 đồng là chưa đúng theo quy định tại khoản 2, Điều 3, Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ và chi phụ cấp lưu trú số tiền 2.360.000 đồng khi đi nhập học và đi học lớp Thạc sỹ điều dưỡng là chưa đúng theo quy định tại Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh và Quy chế chi tiêu nội bộ;

- Đơn vị nộp thừa các khoản bảo hiểm phải đóng số tiền 45.566.124 đồng (Theo đơn vị báo cáo: khoản nộp thừa bảo hiểm này là của 01 viên chức có ký hợp đồng làm thêm với đơn vị bên ngoài và đã được đơn vị đó đóng bảo hiểm, do đó trong năm 2023 nhà trường vẫn đóng các khoản bảo hiểm cho viên chức này);

- Sử dụng nguồn kinh phí không thường xuyên để chi hỗ trợ tết Nguyên đán năm 2023 không có trong dự toán được giao với số tiền 31.000.000 đồng;

- Đối với hạng mục: Sơn, bảo dưỡng khu giảng đường, đơn vị thanh toán chi phí giám sát vượt so với quyết toán công trình số tiền 271.000 đồng.

- Kinh phí hỗ trợ theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người DTTS học tại các cơ sở giáo dục đại học, số tiền: 483.000.000 đồng. Kinh phí hỗ trợ theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp, số tiền: 1.834.000.000 đồng. Đơn vị đã thực hiện rút dự toán ngân sách các chế độ này về tài khoản tiền gửi tại Kho bạc nhà nước (số tài khoản 3716) với tổng số tiền: 2.317.000.000 đồng. Đến thời điểm thanh tra đơn vị chưa chi trả các chính sách này cho các sinh viên. *Ý kiến giải trình của đơn vị: Đơn vị chưa chi trả là do Nhà trường yêu cầu sinh viên cung cấp tài khoản cá nhân để chi trả bằng hình thức chuyển khoản nhưng một số sinh viên cung cấp tài khoản không kịp thời nên dẫn đến việc chậm chi trả.*

- Kinh phí NSNN cấp bù học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, trong đó có 02 sinh viên không thuộc đối tượng được miễn giảm học phí, với số tiền 12.740.000 đồng;

- Chưa thực hiện trích khấu hao TSCĐ từ việc cho thuê tài sản số tiền 1.077.000 đồng;

- Hạch toán vào chi phí một số nội dung chi thuộc nhiệm vụ chi của các Quỹ và được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ, với tổng số tiền 161.300.000 đồng;

- Chưa xác định các khoản thuế phải nộp với đối với khoản thu học phí, thu dịch vụ và tiền thuê đất đối với hoạt động cho thuê tài sản với số thuế phải nộp 129.722.861 đồng. Đến tháng 01/2024 đơn vị đã thực hiện kê khai và nộp các khoản thuế GTGT, TNDN với số tiền 12.659.810 đồng, số còn phải nộp: 117.063.051 đồng.

- Sử dụng nguồn CCTL để chi lương khi chưa có ý kiến của cấp có thẩm quyền, số tiền 346.000.000 đồng;

- Thu vượt mức học phí đối 353 sinh viên với tổng số tiền 144.900.000 đồng.

Trong việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ quản lý về tài chính, kế toán của đơn vị vẫn còn một số tồn tại, thiếu sót đã được nêu cụ thể ở phần B Kết quả kiểm tra, xác minh. Còn để xảy ra các tồn tại, thiếu sót trong công tác quản lý tài chính nêu trên trách nhiệm thuộc về Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách có liên quan trong thời kỳ thanh tra, phụ trách kế toán và các bộ phận tham mưu có liên quan.

D. KIẾN NGHỊ

1. Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk cần chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong công tác quản lý tài chính, tài sản, chế độ hạch toán kế toán; mọi khoản thu, chi của đơn vị phải được thực hiện kịp thời theo đúng quy định và phải được thể hiện trong các quy chế;

2. Thực hiện điều chỉnh, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ, ban hành quy chế quản lý sử dụng tài sản công theo đúng các quy định hiện hành; Hạch toán, điều chỉnh sổ sách kế toán, phản ánh tăng giá trị TSCĐ theo số liệu của Đoàn thanh tra xác định; Làm việc với BHXH tỉnh để xử lý số tiền nộp thừa năm 2023;

3. Hạch toán điều chỉnh giảm nguồn CCTL do ngân sách nhà nước cấp năm 2023 số tiền 2.000.000 đồng;

4. Đề nghị đơn vị thực hiện nộp trả số tiền: 2.482.057.199 đồng, chi tiết như sau:

a. Nộp vào ngân sách nhà nước số hiệu tài khoản 7111.2.1049497 mở tại Kho bạc Nhà nước, số tiền 2.434.063.051 đồng, bao gồm các khoản kinh phí đã rút nhưng chưa chi và các khoản thuế phải nộp của năm 2023:

- Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg, số tiền: 483.000.000 đồng;

- Kinh phí hỗ trợ chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg, số tiền: 1.834.000.000 đồng;

- Các khoản thuế GTGT, TNDN, tiền thuê đất phải nộp với tổng số tiền 117.063.051 đồng (số phải nộp năm 2023: 129.722.861 đồng; đã nộp 12.659.810 đồng).

b. Thu hồi số tiền 47.994.148 đồng nộp vào tài khoản tạm giữ của Sở Tài chính, số hiệu tài khoản 3941.0.1005874 mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

- Kinh phí miễn giảm học phí cho 02 sinh viên không thuộc đối tượng được miễn giảm, số tiền: 12.740.000 đồng;

- Chi hỗ trợ cước sử dụng điện thoại di động vượt định mức 1.800.000 đồng;

- Chi tiền phụ cấp thâm niên nghề cho bà Hoàng Thị Nga trong thời gian đi học từ tháng 01/2023 đến tháng 4/2023, số tiền 2.183.148 đồng;

- Sử dụng nguồn kinh phí không thường xuyên để chi hỗ trợ tết Nguyên đán năm 2023 không có trong dự toán được giao với số tiền 31.000.000 đồng;

- Thanh toán chi phí giám sát vượt so với quyết toán công trình số tiền 271.000 đồng.

5. Đơn vị thực hiện thu hồi số tiền 2.360.000 đồng do chi phụ cấp lưu trú không đúng quy định cho bà Hoàng Thị Nga nộp về nguồn thu của đơn vị;

6. Thực hiện chi trả hoặc bù trừ vào sổ học phí phải nộp năm sau của các sinh viên đã nộp thừa học phí trong năm 2023, với tổng số tiền 144.900.000 đồng;

7. Hoàn trả lại nguồn CCTL đã sử dụng vượt năm 2023 số tiền 346.000000 đồng và trích bổ sung nguồn CCTL số tiền 228.000.000 đồng theo Biên bản thẩm tra xét duyệt quyết toán năm 2022 của Sở Tài chính.

8. Đề nghị Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk có văn bản hỏi Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc áp dụng chính sách hỗ trợ cho sinh viên đang theo học tại Trường Cao đẳng thực hiện theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 hay Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Sau khi có ý kiến trả lời của Bộ đề nghị đơn vị báo cáo về Thanh tra Sở Tài chính trước ngày 12/7/2024 để phối hợp thực hiện.

9. Đơn vị tổ chức họp rút kinh nghiệm, thực hiện chấn chỉnh, khắc phục những thiếu sót, tồn tại trong công tác quản lý tài chính, tài sản. Nghiêm túc thực hiện Kết luận thanh tra theo đúng quy định tại Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ quy định việc thực hiện kết luận thanh tra.

Trên đây là Kết luận thanh tra công tác quản lý tài chính năm 2023 tại Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra, đề nghị đơn vị thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra, thời gian niêm yết ít nhất là 15 ngày liên tục tại trụ sở của đơn vị, các hình thức công khai được thực hiện theo quy định tại Điều 79, Luật Thanh tra năm 2022 và Điều 49, Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ. Báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra về Thanh tra Sở Tài chính trước ngày 15/7/2024./.

Nơi nhận:

- Trường CĐYT (để thực hiện);
- BGĐ Sở TC (để báo cáo);
- Lãnh đạo thanh tra Sở;
- Phòng TC HCSN;
- Lưu VT, HS ĐTTra số 26.

CHÁNH THANH TRA

Huỳnh Thị Hà